World Agroforestry

CGIAR | GENDER Platform

Vấn đề Giới và Dân tộc trong cảnh quan nông lâm kết hợp ở Việt Nam: Kinh nghiệm thực hiện dự án



Tóm lược thông tin

Nhóm tác giả: Nguyễn Mai Phương, Hanna North, Dương Minh Tuấn và Nguyễn Mạnh Cường

Trích dẫn
Nguyễn, M.P., North, H., Dương, M.T., Nguyễn, M.C. 2021. Vấn đề Giới và Dân tộc trong cảnh quan Nông lâm kết hợp ở Việt Nam: Kinh nghiệm thực hiện dự án. Tổ chức nghiên cứu Nông lâm Quốc tế (ICRAF).

Ảnh: ©Nguyễn Mai Phương

Hình ảnh (phải): Hướng dẫn phụ nữ H'Mông cách sử dụng máy ảnh để chụp ảnh trong đợt nghiên cứu về giới tại xã Tỏa Tình, tỉnh Điện Biên.

Lời cảm ơn

Chúng tôi ghi nhận những đóng góp của CGIAR Gender Platform trong việc hỗ trợ trình bày thông tin của bản tóm lược này.

Thực hiện bởi: Tổ chức Nghiên cứu Nông lâm Quốc tế (ICRAF)

Thiết kế và Dàn trang
KANDS COLLECTIVE
hello@kandscollective.com

Nội Dung

Về bản tóm lược này **3**

Vấn đề Giới và Dân tộc trong cảnh quan nông lâm kết hợp ở Việt Nam: Kinh nghiệm thực hiện dự án **4**

Giới thiệu **5**

Tiến hành nghiên cứu **7**

Kết quả của nghiên cứu **10**

Kết quả nghiên cứu này có ý nghĩa gì đối với các can thiệp của dự án trong tương lai? **25**

Tóm tắt các khuyến nghị chính **29**

Tài liệu tham khảo **34**

Về bản tóm lược này

Bản tóm lược này trình bày ngắn gọn các bài học và kết quả từ dự án Nông lâm kết hợp cho sinh kế của nông hộ nhỏ ở Tây Bắc Việt Nam (AFLi) do Tổ chức Nghiên cứu Nông lâm Quốc tế (ICRAF) thực hiện ở Tây Bắc Việt Nam. Dự án diễn ra trong hai giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2021 nhằm khuyến khích nông dân áp dụng các hệ thống nông lâm kết hợp để chống lại sự suy thoái môi trường và hướng đến sự đa dạng hóa các sản phẩm nông nghiệp của họ. Giai đoạn hai của dự án (AFLi-II) tập trung vào phát triển nông lâm kết hợp dựa trên thị trường và phục hồi rừng.

Bản tóm lược này trình bày những lợi ích của phụ nữ khi tham gia vào sáu mô hình cảnh quan nông lâm kết hợp của dự án AFLi, những trở ngại cũng như cơ hội đặc thù về giới mà phụ nữ tiếp nhận khi tham gia hoạt động dự án. Nghiên cứu được thực hiện ở hai nhóm dân tộc Thái ở xã Hát Lót, Sơn La và H'Mông ở xã Toả Tình, Điện Biên. Bản tóm lược nhấn mạnh đến hàm ý của những trở ngại trong việc trao quyền cho phụ nữ và tác động của nó đến sự thành công của việc nhân rộng các sáng kiến nông nghiệp. Cuối cùng, bản tóm lược đưa ra những khuyến nghị nhằm giúp dự án nông nghiệp và cán bộ khuyến nông trở nên có trách nhiệm trong vấn đề liên quan đến giới hơn.

Dự án Nông lâm kết hợp cho sinh kế của nông hộ nhỏ ở Tây Bắc Việt Nam (AFLi)

Nhận thấy tiềm năng của nông lâm kết hợp, ICRAF Việt Nam, với sự hỗ trợ của Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế Úc (ACIAR) và chương trình Nghiên cứu về Rừng, Cây và Nông lâm kết hợp (FTA) của Nhóm Tư vấn về Nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế (CGIAR), đã thực hiện chương trình nghiên cứu về nông lâm kết hợp toàn diện và phục hồi rừng với các đối tác địa phương ở Tây Bắc Việt Nam.

Vui lòng sử dụng liên kết này để có thêm thông tin về AFLi: **www.worldagroforestry.org**.



Giới và Dân tộc trong cảnh quan nông lâm kết hợp ở Việt Nam: Kinh nghiệm thực hiện dự án

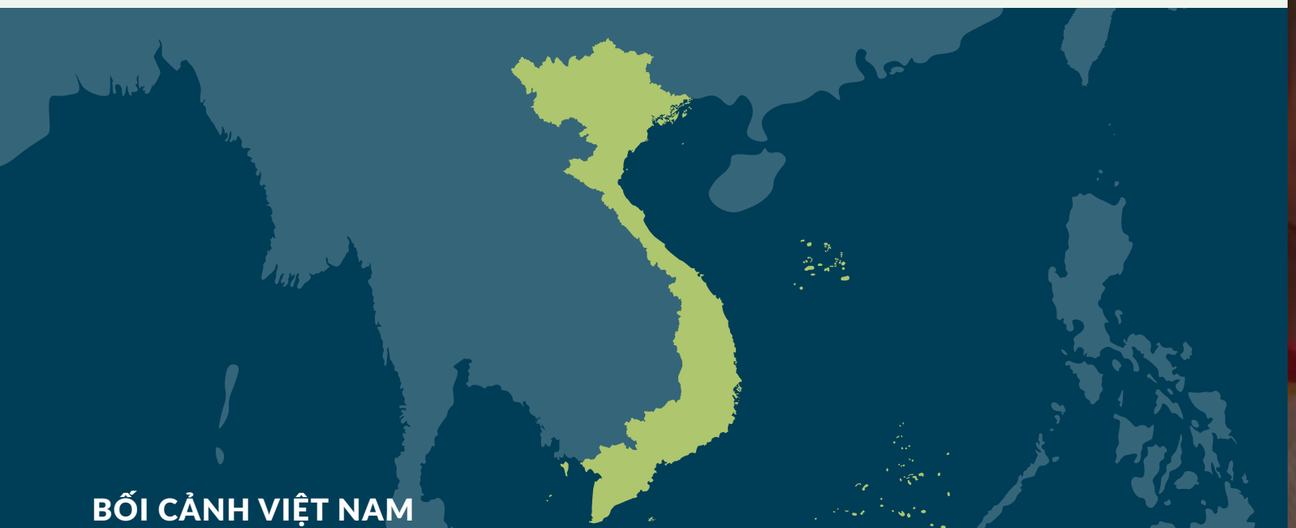
Những kết quả chính

- Phụ nữ bị hạn chế nhiều bởi các chuẩn mực giới, khả năng tiếp cận các nguồn lực, quyền ra quyết định và sự thiếu hụt thời gian
- Một cách tiếp cận tổng thể, tiết kiệm thời gian để giải quyết các hoạt động hàng ngày của phụ nữ, có thể giảm tác động của sự thiếu hụt về thời gian và tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong dự án.
- Các hoạt động của dự án sẽ thành công hơn với sự tham gia nhiều hơn của phụ nữ sử dụng các kênh truyền thông không chính thức góp phần phổ biến kiến thức.
- Sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động dự án làm tăng sự tự tin và trao quyền cho khả năng ra quyết định của họ.
- Bản sắcvăn hóa ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tập huấn về nông nghiệp của phụ nữ trong các cộng đồng dân tộc thiểu số.

Hình ảnh bên trái: Thu hoạch quả nhãn
Ảnh: ©Nguyễn Mai Phương

Giới thiệu

Hiện nay có rất nhiều những dịch vụ khuyến nông hỗ trợ nâng cao năng suất nông nghiệp tại cộng đồng địa phương, tuy nhiên phụ nữ vẫn nhiều khi chưa tiếp cận được do các chuẩn mực văn hóa xã hội, hạn chế tiếp cận thông tin và phân bổ nguồn lực theo giới (FAO, 2019). Việc đổi mới nông nghiệp cho các hộ nông hộ nhỏ cho thấy sự phân hóa về giới cao trong cấu trúc gia đình phụ hệ (Kawarazuka and Prain, 2019), nơi phụ nữ thường được định vị trong mối quan hệ với chồng của họ và được coi là 'vợ của nông dân' thay vì chính những người nông dân thực thụ (Brandth, 2002; Meinzen-Dick và cộng sự., 2010). Nhận thức này đã khiến phụ nữ gặp nhiều hạn chế khi tiếp cận các khóa tập huấn nông nghiệp, các công cụ và thông tin.



BỐI CẢNH VIỆT NAM

Các dự án phát triển nông nghiệp đang phải đối mặt với thách thức ở Việt Nam do đất nước có tới 53 nhóm dân tộc thiểu số hiện diện và chỉ chiếm 14% dân số nhưng lại nằm trong nhóm 73% dân nghèo của toàn quốc vào năm 2016 (World Bank, 2019). Đây cũng là nhóm có sự khác biệt về các chuẩn mực văn hóa và bối cảnh. Hơn 81% dân số là dân tộc thiểu số làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp vào năm 2017 (UN Women, 2017). So với nam giới, phụ nữ dân tộc thiểu số có trình độ học vấn thấp hơn, độ tuổi lao động trẻ hơn, ít có khả năng sở hữu máy móc nông nghiệp hơn, kém thông thạo tiếng hơn và ít sở hữu xe máy hơn trong khi có đến 15 nhóm dân tộc thiểu số sống cách các chợ 'địa phương' tương ứng của họ từ 20-70 km (UN Women, 2017).

Phụ nữ cũng bị thiệt thòi về quyền quyết định ở cấp hộ gia đình, mặc dù điều này đang thay đổi đáng kể do tình trạng di cư theo thời vụ khiến nhiều hộ gia đình vắng bóng nam giới (Green Climate Fund, 2020; Kawarazuka và Prain, 2018). Tuy nhiên, các hộ do phụ nữ làm chủ hộ gặp phải những rào cản khác đối với các hộ có chủ hộ nam như dễ bị thiếu lao động và khó tiếp cận thông tin và nguồn vốn vay hơn so với các hộ có chủ hộ nam; kết quả là, các hộ do phụ nữ làm chủ hộ ít có xu hướng áp dụng các phương thức nông lâm kết hợp hơn, mặc dù họ thể hiện sự quan tâm đến phương thức này hơn so với nam giới trong một số trường hợp (Catacutan và Naz, 2015).

"Tôi dành phần lớn thời gian để chăm sóc bọn trẻ"

Một phụ nữ trẻ người Thái

Ảnh: ©Trung tâm Nghiên cứu Nông lâm Quốc tế (ICRAF)

Tiến hành nghiên cứu

Nghiên cứu đánh giá dự án được thực hiện nhằm xác định lợi ích của phụ nữ khi tham gia vào sáu mô hình cảnh quan của AFLi ở các xã Nà Nhạn, Tỏa Tình, Hát Lót, Chiềng Yên, Xà Hồ và Thượng Bằng La thuộc các tỉnh Điện Biên, Sơn La và Yên Bái. Các nhóm dân tộc thiểu số chủ yếu trong vùng là Thái, H'Mông, Kinh, Mường và Tày. Việc đánh giá ban đầu được thực hiện thông qua một cuộc khảo sát tập trung vào các lợi ích xã hội của cá nhân như nâng cao nhận thức, kiến thức và kỹ năng về thực hiện nông lâm kết hợp, mạng lưới nông dân, việc sử dụng và phổ biến tài liệu dự án cho nông dân.

Hai nghiên cứu định tính chuyên sâu được thực hiện tại xã Hát Lót và Tỏa Tình để bổ sung cho khảo sát định lượng ban đầu, với nhóm dân tộc thiểu số Thái và H'Mông. Đây là hai trong số sáu nhóm dân tộc thiểu số có dân số trên một triệu người ở Việt Nam (UN Women, 2017) và cũng là hai dân tộc thiểu số phổ biến nhất ở Tây Bắc. **Các nghiên cứu điển hình nhằm tìm hiểu sâu hơn những ràng buộc trên cơ sở giới và những cơ hội mà phụ nữ tiếp nhận được khi tham gia và hưởng lợi từ dự án.**

Một mô hình cảnh quan là gì?

Cảnh quan là một khu vực địa lý có quy mô đủ rộng, đa dạng và phức tạp để thấy được các khía cạnh khác nhau của khả năng phục hồi của cộng đồng, khả năng chống chịu với khí hậu và các mối liên kết dịch vụ hệ sinh thái. Mô hình mẫu là một khu vực địa lý nhỏ hơn trong cảnh quan rộng lớn và được chọn để tiến hành dự án. Mô hình cảnh quan thường bao gồm:

- Các khía cạnh kinh tế - xã hội và văn hóa, tình trạng sức khỏe và dinh dưỡng khác nhau
- Các dịch vụ hệ sinh thái; và
- Chuỗi giá trị đa dạng và có nhiều tập thể

Mục tiêu của nghiên cứu nhằm:

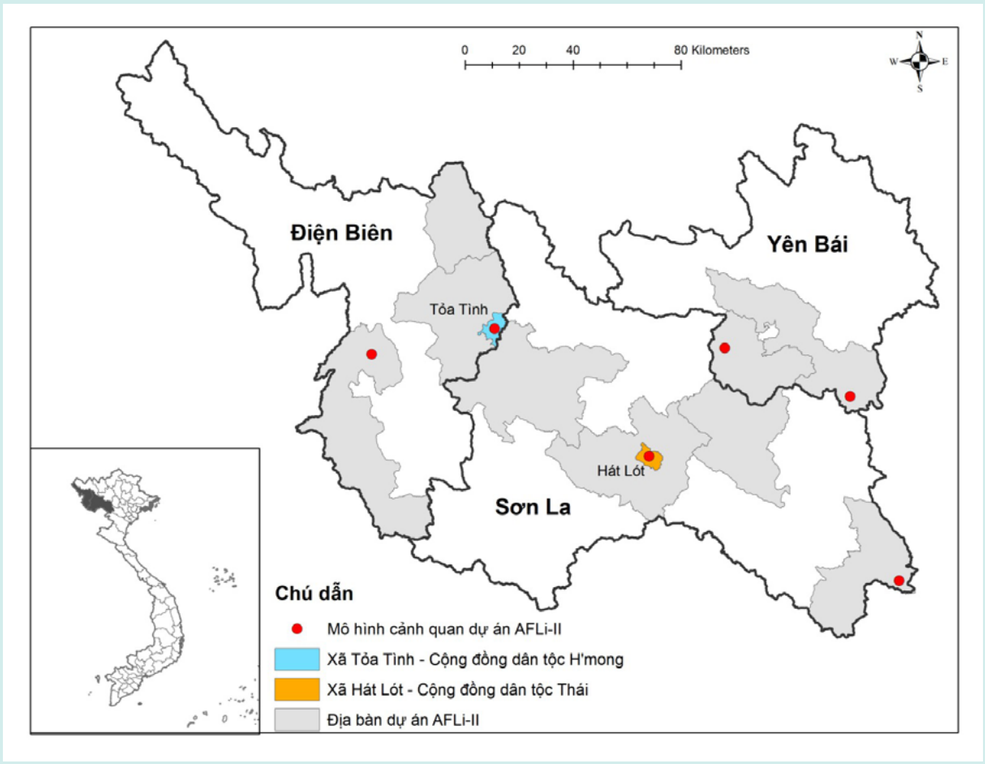
- Đánh giá lợi ích và khó khăn của phụ nữ khi tham gia vào sáu mô hình cảnh quan của AFLi.
- Quan sát và so sánh những trở ngại chính đối với sinh kế của phụ nữ và khả năng tiếp cận các dịch vụ khuyến nông trong hai nghiên cứu điển hình.
- Xác định tác động của các rào cản đối với việc trao quyền của phụ nữ trong nông nghiệp đối với sự thành công của can thiệp nông nghiệp.
- Đưa ra các khuyến nghị để cho phép các dự án nông nghiệp và cán bộ khuyến nông đáp ứng tốt hơn về giới.
- Đánh giá tác động của bối cảnh văn hóa đối với sự áp dụng các sáng kiến nông nghiệp.

Xã Hát Lót và xã Tỏa Tình

Cộng đồng người Thái ở bản Nà Ban, xã Hát Lót, tỉnh Sơn La được thành lập từ năm 1960, các hộ gia đình đều có giấy chứng nhận sử dụng đất. Diện tích đất bình quân ở Nà Ban là 2-3 ha/hộ và thêm 200-300m² cho nhà và vườn.

Xã Tỏa Tình, thuộc huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên, có 7 bản, trong đó có Hua Xa B là bản phát triển nhất. Xã Tỏa Tình được thành lập từ năm 1952, hiện là nơi sinh sống của hơn 2000 nhân khẩu, tất cả đều là người dân tộc H'Mông.

Các nhóm người Thái ở Tây Bắc thường sống ở vùng có độ cao trung bình (trong khi người H'Mông sống ở vùng cao hơn (thường trên 800 m so với mực nước biển). Điều này có ý nghĩa lớn đối với khả năng di chuyển tương ứng của hai cộng đồng khi đề cập đến khoảng cách tới chợ và khả năng tiếp cận các nguồn lực; đặc biệt là do ảnh hưởng đến điều kiện đi lại khi vào mùa mưa do đường lên nương chủ yếu vẫn là đường đất.



Địa điểm của sáu mô hình cảnh quan nông lâm kết hợp tại xã Tỏa Tình và xã Hát Lót

Dữ liệu định tính cho các nghiên cứu điển hình được thu thập bằng cách sử dụng các cuộc khảo sát đáp ứng-giới thảo luận về tác động của dự án và các rào cản của cộng đồng đối với việc tiếp nhận các kỹ thuật mới. Nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận Phân tích xã hội và hành động do tổ chức CARE Quốc tế (CARE, 2017) phát triển (xem Sổ tay hướng dẫn thực hiện toàn cầu về hành động và phân tích xã hội) và các cuộc thảo luận nhóm tập trung dựa trên phương pháp GENNOVATE (Petesch và cộng sự, 2018) (xem Phương pháp GENNOVATE) bao gồm bậc thang quyền lực và khuôn khổ tự do, phân bổ thời gian 24 giờ, phân công lao động theo giới và cơ cấu ra quyết định.

Tóm tắt các hoạt động nghiên cứu

ĐỂ XÁC ĐỊNH LỢI ÍCH CHO PHỤ NỮ TỪ VIỆC THAM GIA MÔ HÌNH CẢNH QUAN AFLI

Ở ĐÂU?
Sáu mô hình cảnh quan

NHƯ THẾ NÀO?
Khảo sát

AI?
182 nông dân dự án (95 phụ nữ)
43 nông dân đối chứng (22 phụ nữ)

ĐỂ HIỂU RÕ HƠN VỀ NHỮNG KHÓ KHĂN THEO GIỚI TÍNH VÀ CƠ HỘI MÀ PHỤ NỮ GẶP PHẢI KHI THAM GIA VÀ HƯỞNG LỢI TỪ DỰ ÁN.

Ở ĐÂU?
Xã Hát Lót và xã Tỏa Tình

NHƯ THẾ NÀO?
Hai nghiên cứu điển hình

Các cuộc khảo sát đáp ứng giới và thảo luận nhóm tập trung

Hoạt động chụp ảnh và triển lãm cộng đồng

AI?
Thảo luận nhóm tập trung

41 nông dân người Thái (19 phụ nữ)
41 nông dân H'Mông (20 phụ nữ)

Hoạt động chụp ảnh và triển lãm cộng đồng

16 nông dân người Thái (8 phụ nữ)
16 nông dân H'Mông (8 phụ nữ)



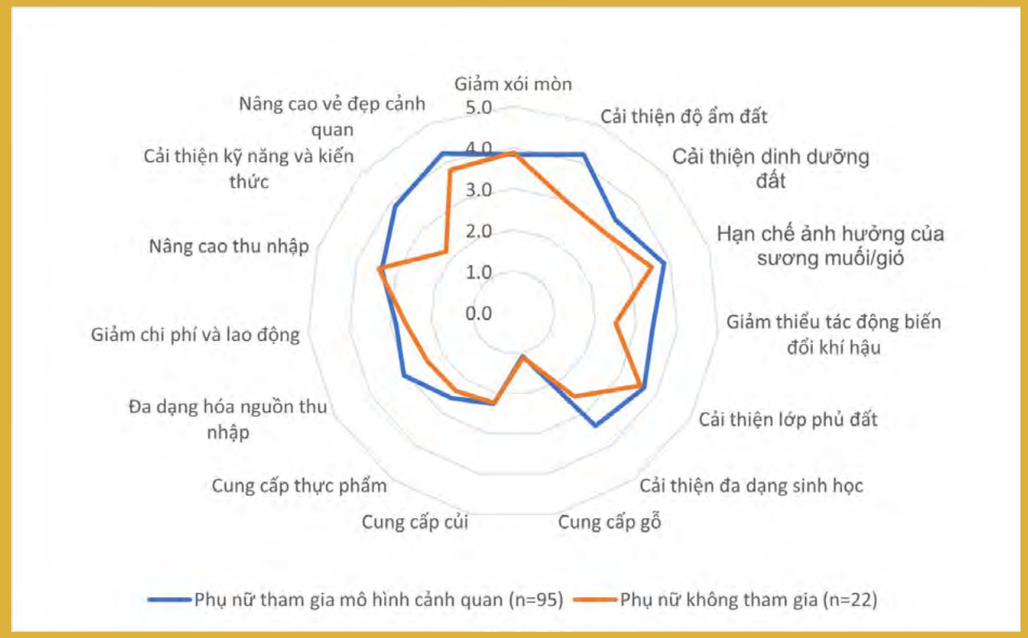
Bài thuyết trình của phụ nữ người Thái về những thách thức và lợi ích trong việc áp dụng các hệ thống nông lâm kết hợp

Kết quả của nghiên cứu

LỢI ÍCH CỦA PHỤ NỮ TỪ VIỆC THAM GIA MÔ HÌNH CẢNH QUAN AFLI

Nhận thức của phụ nữ về lợi ích của nông lâm kết hợp

So với các nữ nông dân không tham gia dự án, phụ nữ tham gia vào các mô hình cảnh quan AFLi-II cho điểm cao hơn về lợi ích nông lâm kết hợp trên khía cạnh cải thiện độ ẩm của đất, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, cải thiện đa dạng sinh học, cung cấp lương thực và nâng cao kiến thức và kỹ năng. Việc chấm điểm của họ dựa trên những quan sát về các mô hình nông lâm kết hợp với dự án AFLi mà họ thực hiện hoặc của những hộ khác trong bản.



Nhận thức của phụ nữ tham gia mô hình cảnh quan về lợi ích của nông lâm

Nâng cao kiến thức và kỹ năng

- Hỗ trợ kỹ thuật được cung cấp cho nông dân thông qua các khóa tập huấn về thiết lập, quản lý hệ thống nông lâm kết hợp cũng như kỹ thuật ghép và quản lý vườn ươm. Hơn 70% nữ nông dân tham gia các hoạt động tập huấn, tuy nhiên chỉ có 15% trong số họ tham gia vào các hoạt động vườn ươm vì việc quản lý vườn ươm được coi là khó khăn đối với phụ nữ, đặc biệt là kỹ thuật ghép cành.
- Hơn 80% phụ nữ sẵn sàng chia sẻ kiến thức của họ với các thành viên trong gia đình, hàng xóm và bạn bè trong bản của họ. Những kiến thức mới học được của họ bao gồm kỹ thuật quản lý cây, bón phân, tưới nước, kỹ thuật ghép cây, và quản lý sâu bệnh hại. Các chị em mong muốn được tập huấn nhiều hơn về quản lý cây ăn quả và phòng trừ sâu bệnh.



Sự tham gia của phụ nữ ở hoạt động tập huấn và chia sẻ kiến thức (n = 95)

Áp dụng các lựa chọn nông lâm kết hợp và các kỹ thuật bảo tồn đất/nước

Mở rộng các lựa chọn nông lâm kết hợp

- 64% phụ nữ tham gia vào các mô hình cảnh quan xác nhận rằng họ muốn mở rộng hệ thống nông lâm kết hợp của mình (n = 95).
- 45% phụ nữ không tham gia dự án muốn áp dụng/ mở rộng hệ thống nông lâm kết hợp (n = 22).
- Các hệ thống nông lâm kết hợp được ưa thích nhất là các hệ thống lấy cây ăn quả làm cây chủ đạo.

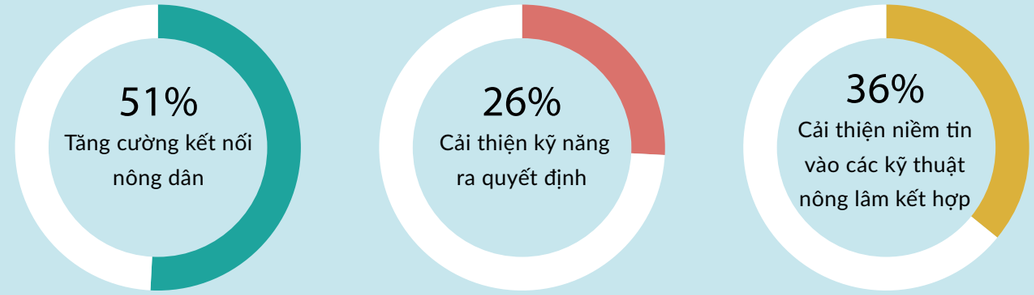
Áp dụng các kỹ thuật bảo tồn đất và nước

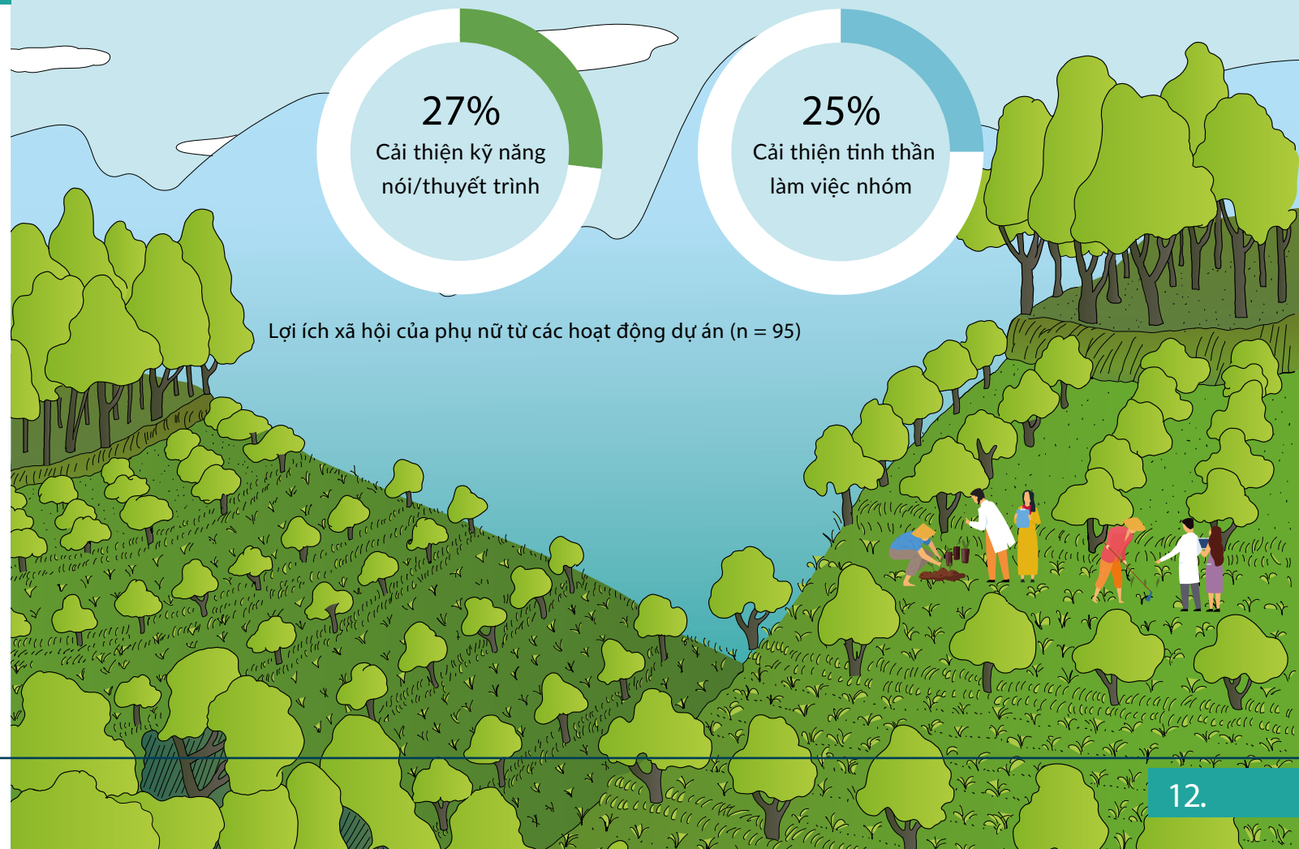
- Tất cả những phụ nữ nông dân được phỏng vấn đều nhận thức được tình trạng giảm nguồn nước, 66% trong số họ quan sát thấy xói mòn đất ở nương của họ và tác động tiêu cực của xói mòn đất đối với chất lượng đất hoặc năng suất cây trồng.
- Không ai trong số phụ nữ khẳng định rằng họ biết cách thực hiện các kỹ thuật bảo tồn đất bao gồm trồng cây, trồng cỏ trên đường đồng mức, hoặc canh tác bậc thang trên các mảnh đất trồng nông lâm kết hợp.
- Câu trả lời phổ biến nhất là “không biết cách làm”, sau đó là

1. Thiếu kỹ thuật quản lý;
2. Thiếu hụt tài chính;
3. Gia súc bị thiệt hại; và
4. Thiếu lao động để quản lý cỏ và cây ăn quả.

Lợi ích xã hội

- Các lợi ích xã hội bao gồm cải thiện tinh thần làm việc nhóm, kết nối với các nông dân khác, khả năng nói chuyện/ thuyết trình trước đám đông, cải thiện khả năng ra quyết định và sự tự tin để thực hiện các kỹ thuật nông lâm kết hợp cũng như tăng cường quản lý rừng cộng đồng.
- Tỷ lệ lớn phụ nữ thuộc các nhóm nông dân đã tham gia dự án trong một thời gian dài (chẳng hạn như mô hình cảnh quan xã Hát Lót) có nhiều lợi ích xã hội từ việc tham gia dự án.
- Những lợi ích chính có thể nhận biết được là các chuyến thăm thực địa, mở rộng mạng lưới, mở rộng kiến thức và tiếp nhận thông tin. Nông dân học được rằng họ có thể mở rộng mạng lưới của mình và hưởng lợi từ làm việc theo nhóm khi mọi người trở nên tích cực hơn trong việc chia sẻ thông tin, trao đổi kiến thức và giải quyết vấn đề cùng nhau.





Lợi ích xã hội của phụ nữ từ các hoạt động dự án (n = 95)



Một chàng trai người Thái dành phần lớn thời gian chăm sóc vườn nhãn
Ảnh: © Trung tâm Nghiên cứu Nông lâm Quốc tế (ICRAF)

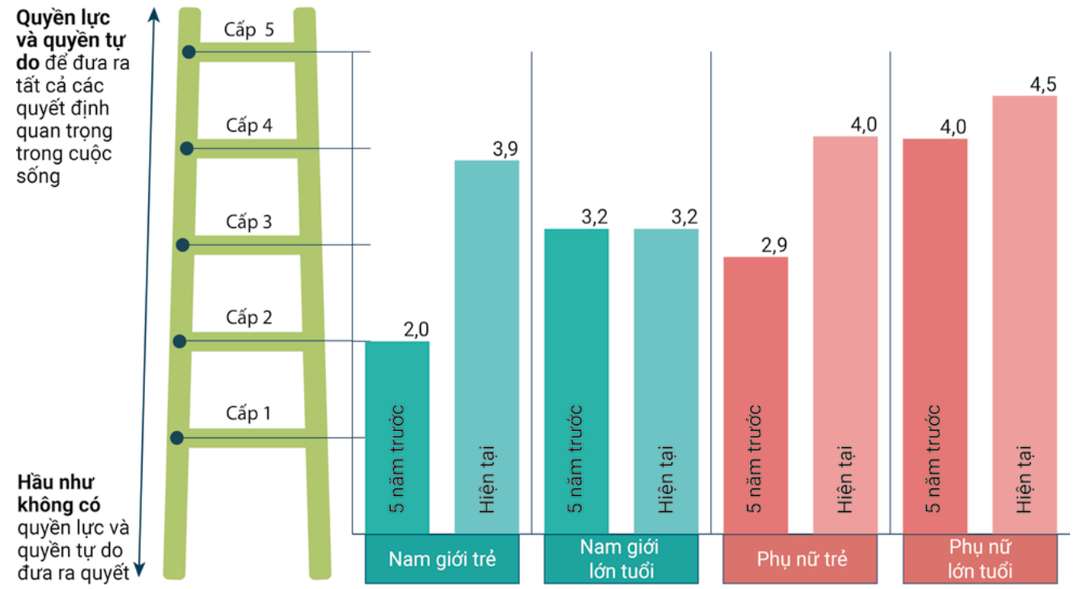
KẾT QUẢ TỪ CÁC NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH PHÂN CHIA THEO GIỚI Ở CÁC NHÓM DÂN TỘC THÁI VÀ H'MÔNG

Mức độ quyền lực và tự do

Cả nam và nữ thanh niên người Thái đều nhận thấy sự cải thiện về mức độ quyền lực và tự do của họ trong khoảng thời gian 5 năm. Nam giới nhận thấy sự cải thiện lớn hơn một chút so với nữ giới (lần lượt là 1,9 và 1,1).

Nam giới lớn tuổi người Thái không nhận thấy sự thay đổi nào đối với quyền lực và sự tự do của họ trong suốt thời kỳ này, trong khi phụ nữ lớn tuổi người Thái lại cho thấy sự gia tăng một chút (0,5).

Nhóm người Thái ở xã Hát Lót



Mức độ nhận thức về quyền lực và tự do của nam giới và phụ nữ người Thái

Lưu ý: Quyền lực và tự do được đánh giá trên thang điểm từ 0 đến 5, trong đó 5 biểu thị quyền lực và tự do để đưa ra tất cả các quyết định quan trọng trong cuộc sống và 1 biểu thị hầu như không có quyền lực và quyền quyết định.

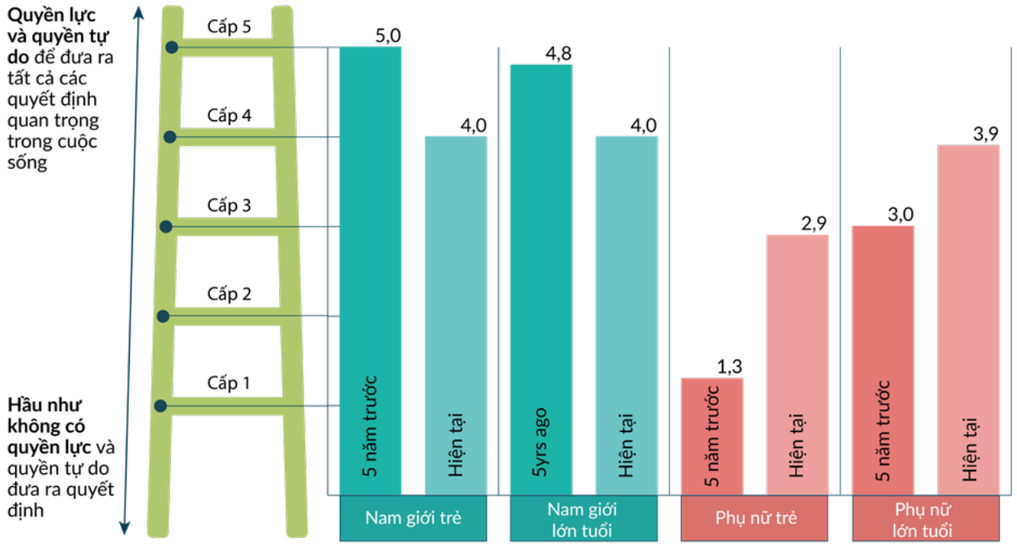


Phụ nữ người Thái làm việc trong hệ thống nông lâm kết hợp với cây ăn quả và lúa nương.
Ảnh: © Lò Thị Quyên

Nam thanh niên H'Mông nhận thấy quyền lực và tự do của họ bị suy giảm (-1) trong khi phụ nữ trẻ H'Mông nhận thấy sự cải thiện đáng kể (1,6) trong khoảng thời gian 5 năm.

Đàn ông lớn tuổi người H'Mông cảm thấy quyền lực và quyền tự do của họ giảm nhẹ (-0,8) trong khoảng thời gian 5 năm, trong khi phụ nữ lớn tuổi người H'Mông chỉ tăng nhẹ (0,9).

Nhóm người H'Mông ở xã Tỏa Tình



Mức độ nhận thức của nam giới và phụ nữ về quyền lực và quyền tự do trong nhóm dân tộc thiểu số người H'Mông của xã Tỏa Tình.



Tóm tắt các kết quả chính: so sánh quyền lực và quyền tự do của phụ nữ trong cộng đồng người H'Mông và người Thái và ý nghĩa đối với dự án

Mức độ quyền lực và tự do

Phụ nữ người Thái

Phụ nữ có trình độ học vấn cao hơn và do đó được lấy ý kiến trong quá trình ra quyết định.

Phụ nữ tham gia các hoạt động cộng đồng.

Nam giới đảm đương các công việc nội trợ gia đình.

Phụ nữ đã được sử dụng nước máy sạch.

Phụ nữ người H'Mông

Phụ nữ có trình độ học vấn thấp hơn (thậm chí không đi học), do đó ít có tiếng nói trong quá trình ra quyết định.

Phụ nữ ít tham gia vào các hoạt động cộng đồng hơn vì quy ước chung là nam giới đại diện cho gia đình trong các hoạt động xã hội.

Nam giới ít có xu hướng tham gia vào các việc nội trợ gia đình.

Phụ nữ chưa được tiếp cận nguồn nước máy sạch.

- Các quyết định được đưa ra cùng nhau, nhưng quyết định cuối cùng là do nam giới đưa ra.
- Phụ nữ nắm giữ tiền nhưng ít nói về cách chi tiêu (ngoài ngân sách thực phẩm của hộ gia đình).
- Phụ nữ quan tâm đến việc tham gia các hoạt động của dự án.
- Phụ nữ chịu trách nhiệm chính về công việc nội trợ gia đình và chăm sóc con cái.

Ý nghĩa đối với dự án

Quyền ra quyết định và cấu trúc xã hội gia trưởng thịnh hành đã hình thành những rào cản đối với khả năng tiếp cận tập huấn nông nghiệp của phụ nữ trong cả hai cộng đồng dân tộc.

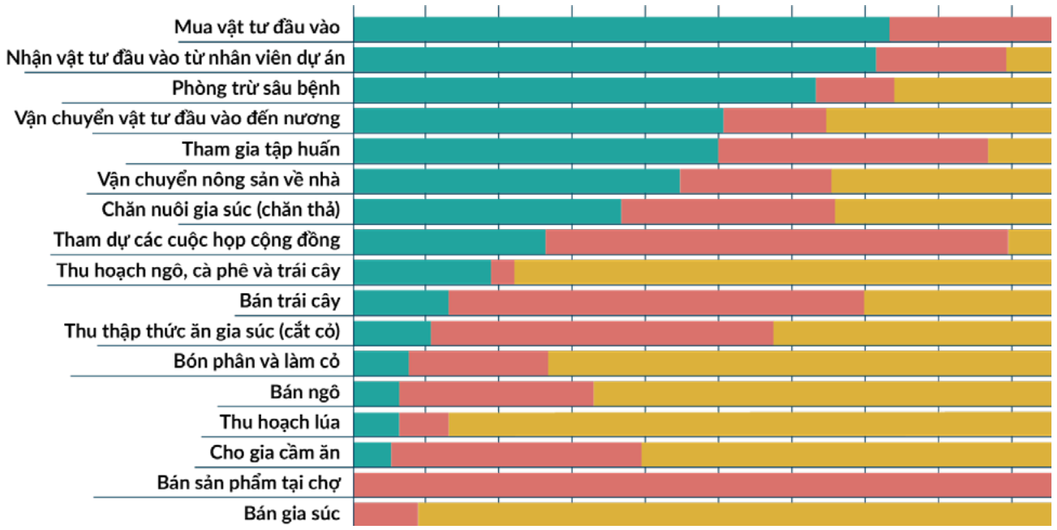
Các hoạt động của dự án đã nâng cao vốn xã hội và sự tự tin của phụ nữ, góp phần nâng cao vị thế chung của họ. Phụ nữ người Thái có được nhiều quyền lực trong mối quan hệ gia đình so với phụ nữ H'Mông. Trong tương lai, điều quan trọng là phải giải quyết nhu cầu của từng cộng đồng và khuyến khích sự tham gia của dự án đồng thời tôn trọng các động lực của hộ gia đình và không làm trầm trọng thêm căng thẳng giữa các thành viên trong gia đình.

Các cộng đồng có mức độ tiếp cận khác nhau đối với giáo dục, thực phẩm và nước, điều này ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận của các khóa tập huấn khuyến nông.

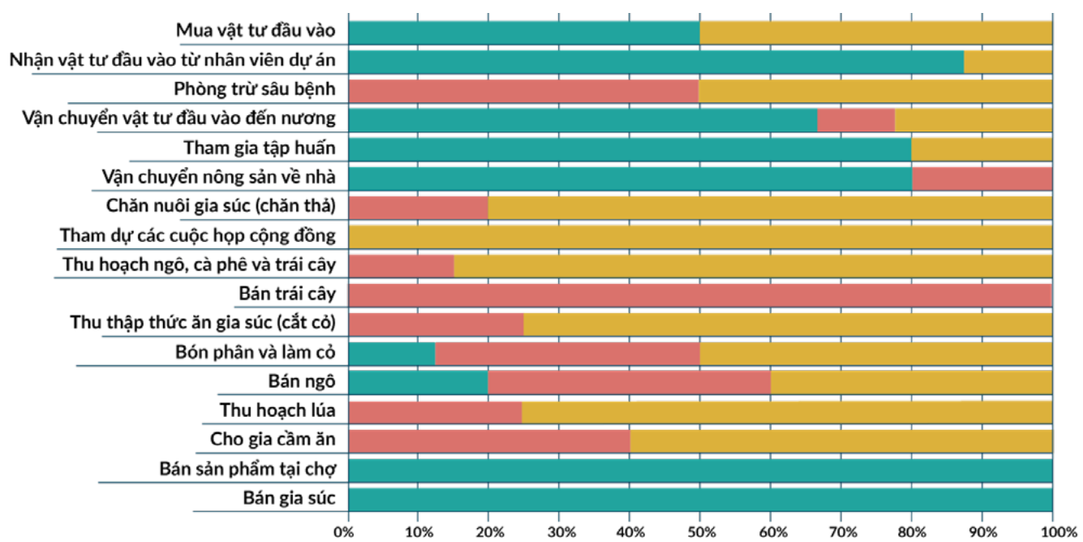
Phân chia lao động

Kết quả cho thấy sự phân chia trách nhiệm lao động theo giới tính cho cả cộng đồng người Thái và người H'Mông. Phụ nữ thường chịu trách nhiệm về chăn nuôi nhỏ, sản xuất rau quả và vườn nhà. Nam giới mua và sử dụng các vật tư đầu vào như thuốc trừ sâu, cây giống và phân bón. Sự khác biệt chính được xác định giữa các cộng đồng là phụ nữ người H'Mông không bán sản phẩm ở chợ và phụ nữ người Thái được trao quyền nhiều hơn một chút ở chỗ họ gần như được tập huấn ngang bằng với nam giới và có một số lĩnh vực mà ở đó họ được tự do quyết định.

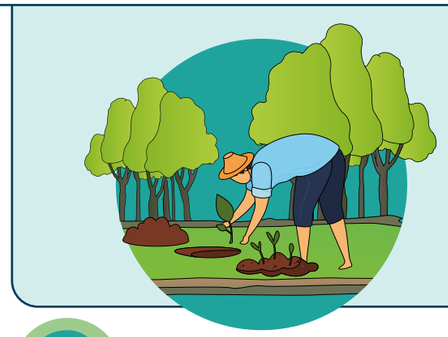
Phân chia lao động - Nhóm người Thái



Phân chia lao động - Nhóm người H'Mông



Phân chia lao động ở cộng đồng người Thái và người H'Mông — Nam — Nữ — Cả hai



Tóm tắt các kết quả chính: so sánh trách nhiệm lao động trong cộng đồng người H'Mông và người Thái và ý nghĩa đối với dự án

Phân chia lao động

Phụ nữ người Thái

Việc tham gia tập huấn của nam giới và phụ nữ tương đối bình đẳng.

Phụ nữ nắm quyền tự quyết hoàn toàn.

Phụ nữ bán hàng ở chợ.

Phụ nữ người H'Mông

Phụ nữ ít tham gia vào các khóa tập huấn hơn.

Phụ nữ không được tự quyết hoàn toàn.

Đàn ông H'Mông bán hàng ở chợ.

- Phụ nữ chịu trách nhiệm chăn nuôi nhỏ, sản xuất rau quả, vườn nhà và bán sản phẩm tại nhà.
- Việc trồng lúa là trách nhiệm chung, mặc dù nam giới chịu trách nhiệm bán sản phẩm ở quy mô lớn hơn so với thị trường địa phương cung cấp.
- Lao động hàng ngày của cả hai cộng đồng đều bị ảnh hưởng bởi điều kiện đường sá kém.

Ý nghĩa đối với dự

Các hoạt động dự án mang lại lợi ích cho phụ nữ vì họ cung cấp các kỹ năng, kỹ thuật để tăng hiệu quả trong các trách nhiệm hàng ngày.

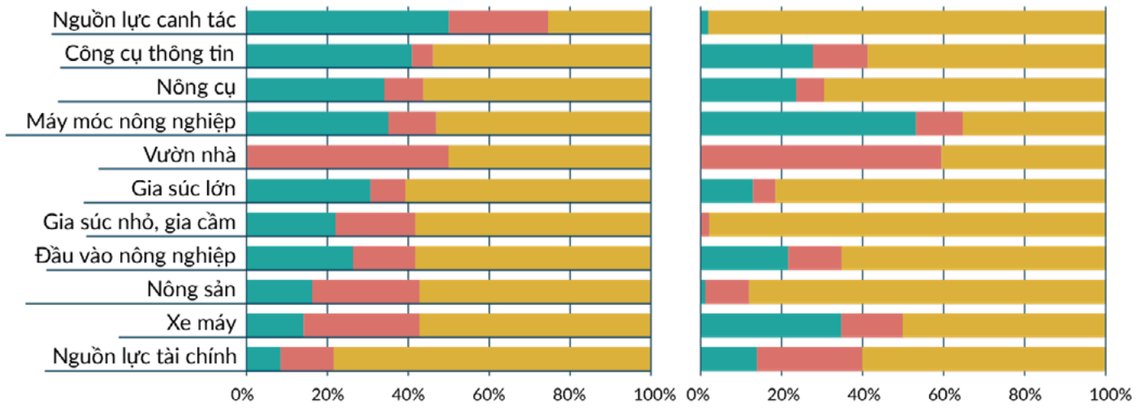
Trong tương lai, việc xây dựng các quy trình tập huấn nhằm vào các lĩnh vực mà phụ nữ quan tâm cụ thể hoặc có quyền tự chủ tương đối, sẽ có tác động lớn nhất đến phụ nữ.

Các rào cản về cơ sở hạ tầng được đề cập bao gồm điều kiện đường sá kém (cả cộng đồng), thiết bị tưới tiêu (phụ nữ người Thái cho biết họ thường chịu trách nhiệm gánh nước vào ruộng) và nước sạch gia đình (phụ nữ người H'Mông không được sử dụng nước máy sạch). Điều này làm nổi bật tiềm năng của các sáng kiến nông nghiệp nhằm cung cấp các biện pháp can thiệp có thể góp phần giảm sự hạn hẹp về thời gian của phụ nữ.

Tiếp cận nguồn lực

Sự phân bổ tài sản và nguồn lực có nhiều phân biệt giới tính, trong đó các chuẩn mực phụ hệ ảnh hưởng đến quyền tiếp cận của phụ nữ. Vì nam giới và phụ nữ trong các cộng đồng người Thái bình đẳng hơn trong nhiều lĩnh vực so với các cộng đồng người H'Mông, nên không có gì ngạc nhiên khi điều này giống nhau trong việc phân bổ tài nguyên của họ. Ở cả hai cộng đồng, phụ nữ nhận thức rõ hơn quyền sở hữu tài nguyên trong các lĩnh vực mà họ chịu trách nhiệm, chẳng hạn như trong vườn nhà hoặc chăn nuôi nhỏ, tuy nhiên, nam giới chiếm quyền sở hữu rõ ràng hơn trong tài sản của gia đình người H'Mông.

a. Thái **Người sở hữu** **Người sử dụng**



b. H'Mông **Người sở hữu** **Người sử dụng**



Phân bổ theo giới quyền sở hữu và sử dụng tài nguyên trong cộng đồng người Thái (a) và người H'Mông (b)

Nam Nữ Cả hai



Tóm tắt các kết quả chính: so sánh quyền sở hữu và sử dụng tài nguyên trong cộng đồng người H'Mông và người Thái và ý nghĩa đối với dự án

Quyền sở hữu và sử dụng tài nguyên

Phụ nữ người Thái

Quyền sở hữu tài nguyên được phân chia bình đẳng hơn giữa nam giới và phụ nữ.

Phụ nữ người H'Mông

Nam giới là chủ sở hữu duy nhất của gần như tất cả các nguồn tài nguyên ngoại trừ vườn nhà và gia súc nhỏ.

- Phụ nữ xác nhận mình là có quyền sở hữu với vườn nhà và chăn nuôi nhỏ.
- Nam giới sở hữu các thiết bị và máy móc nông nghiệp mà phụ nữ có quyền tự do sử dụng tương đối, mặc dù họ có xu hướng sử dụng các thiết bị nhỏ hơn.

Ý nghĩa đối với dự án

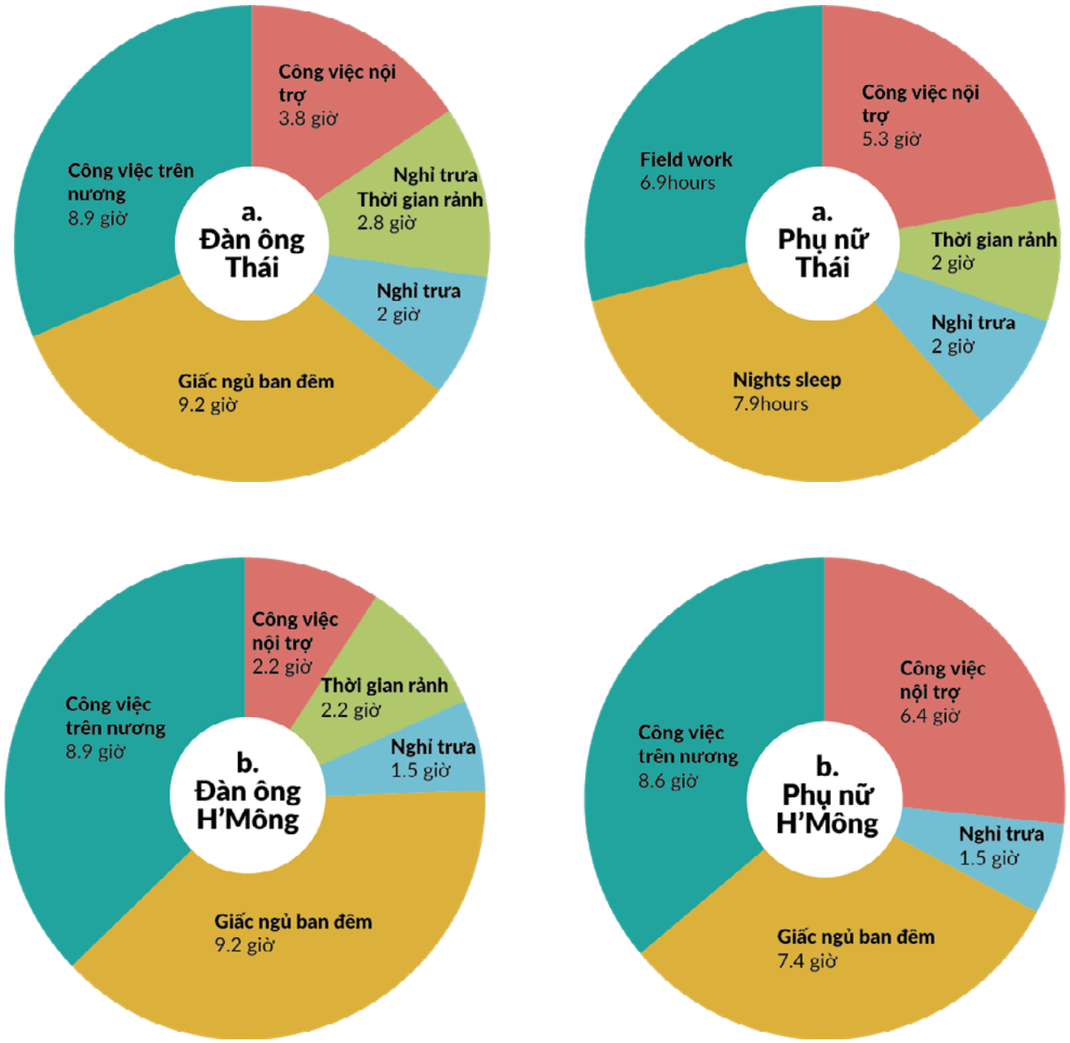
Có một giả định phổ biến ở cả hai cộng đồng rằng nam giới nắm giữ quyền sở hữu các nguồn tài nguyên 'được chia sẻ', cụ thể là đất đai và máy móc, và phụ nữ có quyền tự do tương đối để sử dụng chúng, tuy nhiên các chuẩn mực xã hội có thể là một trở ngại, đặc biệt là trong cộng đồng người H'Mông nơi các ông chồng và các bà vợ ít hợp tác hơn so với các hộ gia đình người Thái.

Tăng cường vốn xã hội của phụ nữ bằng cách khuyến khích họ tham gia vào các hoạt động dự án nhằm giúp phụ nữ cải thiện quyền ra quyết định, mở rộng mối quan hệ, giao tiếp rộng rãi. Việc này giúp phụ nữ thực hành quyền tự chủ về thời gian và nguồn lực của họ.

Tiếp cận thông tin là một hạn chế quan trọng khiến cho việc nam giới là người ra quyết định đã trở thành điều hiển nhiên, việc này càng nâng cao nhận thức quyền làm chủ của họ, trong khi đó phụ nữ có khả năng tiếp cận thông tin hạn chế và do đó họ để lại quyền quyết định cuối cùng cho nam giới có, đặc biệt là trong các gia đình người H'Mông. Ngoài ra, rào cản ngôn ngữ trong việc tiếp cận tài liệu khuyến nông và làm việc với thương nhân ở chợ địa phương cũng là một hạn chế đối với phụ nữ dân tộc thiểu số, đặc biệt là người lớn tuổi, do họ không thông thạo tiếng Việt và gặp khó khăn với các thuật ngữ trong các tài liệu tập huấn kỹ thuật. Đây là rào cản của nam và nữ ở cả hai dân tộc nhưng dường như lại là rào cản cụ thể đối với phụ nữ người H'Mông, những người đã quen với chuẩn mực văn hóa rằng nam giới chịu trách nhiệm giao tiếp bên ngoài gia đình.

Phân chia thời gian theo giới

Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng phụ nữ và nam giới dành thời gian gần như bằng nhau cho công việc nông nghiệp ở cả hai cộng đồng (chênh lệch 36 phút ở cộng đồng người Thái và chỉ chênh lệch 18 phút ở cộng đồng người H'Mông). Nam giới dành ít thời gian hơn cho công việc nội trợ gia đình so với nữ giới (cộng đồng người Thái ít hơn 1,5 giờ và người H'Mông ít hơn 4,2 giờ). Phụ nữ người H'Mông không có thời gian cho các hoạt động giải trí và ngủ ít hơn nam giới gần hai tiếng.



Bánh xe thời gian 24 giờ phân chia theo giới cho cộng đồng người Thái (a) và người H'Mông (b)



Tóm tắt các kết quả chính:
phân chia thời gian theo giới và ý nghĩa đối với dự án

Phân chia thời gian theo giới

Phụ nữ người Thái

Phụ nữ dành ít thời gian hơn cho công việc nội trợ gia đình và được nam giới giúp đỡ nhiều hơn.

Phụ nữ có thời lượng giấc ngủ tương tự như nam giới.

Phụ nữ có một số thời gian giải trí hàng ngày, nhưng ít hơn nam giới gần một giờ.

Phụ nữ người H'Mông

Phụ nữ dành phần lớn thời gian cho công việc nội trợ gia đình.

Phụ nữ ngủ ít hơn nam giới gần 2 giờ.

Phụ nữ không có thời gian giải trí hàng ngày.

- Phụ nữ và nam giới dành thời gian gần như ngang nhau cho công việc nông nghiệp.
- Nam giới dành ít thời gian hơn cho công việc nội trợ gia đình so với phụ nữ.
- Phụ nữ có ít thời gian giải trí hơn nam giới.

Ý nghĩa đối với dự án

Phụ nữ người Thái và người H'Mông bị hạn chế bởi thời gian hạn hẹp và các nhiệm vụ nội trợ gia đình, mặc dù ở mức độ khác nhau.

Sự khác biệt chính của sự hạn hẹp về thời gian ở hai cộng đồng này là phụ nữ người Thái nhận được nhiều sự giúp đỡ từ chồng hơn phụ nữ người H'Mông. Về vấn đề này, dự án cần phải nhạy cảm đối với các cặp vợ chồng người H'Mông nói riêng trong tương lai, vì gánh nặng tìm kiếm thời gian cho các hoạt động có thể sẽ là sức lao động của người vợ.

Ở cả hai cộng đồng, người ta đã đề cập rằng các can thiệp tiết kiệm thời gian như cải thiện đường sá và tiếp cận máy móc sẽ giảm bớt tình trạng hạn hẹp về thời gian. Mặc dù các hoạt động của dự án đã nâng cao hiệu quả và năng suất của các hoạt động nông nghiệp, nhưng hạn chế về thời gian của phụ nữ là một rào cản đáng kể để phụ nữ được hưởng lợi ích của các dịch vụ khuyến nông.



Tóm tắt các mối quan tâm chính trong nông nghiệp của phụ nữ người Thái và H’Mông và ý nghĩa đối với dự án

Mối quan tâm trong nông nghiệp

Phụ nữ người Thái

Phụ nữ có học vấn tốt hơn và có nhiều quyền tự do hơn trong việc sử dụng máy móc, vì vậy họ quan tâm đến việc tập huấn, sử dụng máy móc lớn hơn.

Phụ nữ được sử dụng nước máy sạch và quan tâm đến hệ thống tưới tiêu.

Phụ nữ quan tâm đến các kỹ thuật nông nghiệp phức tạp như ghép cành.

Nam giới và phụ nữ quan tâm đến việc trồng cỏ theo dự án AFLi để giảm xói mòn đất.

Phụ nữ người H’Mông

Phụ nữ có trình độ học vấn thấp hơn và có ít tự do trong việc sử dụng máy móc hơn, do đó họ quan tâm đến việc tập huấn sử dụng thiết bị nhỏ.

Phụ nữ muốn có nước máy sạch trước khi họ xem xét các hệ thống tưới tiêu.

Phụ nữ quan tâm đến các kỹ thuật nông nghiệp cơ bản như duy trì sức khỏe vật nuôi.

- Phụ nữ quan tâm đến việc sản xuất và bán cây ăn quả và quản lý sâu bệnh.
- Phụ nữ quan tâm đến các tài liệu khuyến nông dễ tiếp cận.
- Phụ nữ quan tâm đến việc cải thiện cơ sở hạ tầng như đường sá.

Cả phụ nữ người Thái và người H’Mông đều bày tỏ sự quan tâm của họ trong việc xây dựng kiến thức và thực hành nông nghiệp trong các lĩnh vực sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày của họ, nhưng có những rào cản đối với khả năng tiếp cận.

Phụ nữ người Thái đã được sử dụng nước sạch và trong khi phụ nữ H’Mông lại mong muốn có nước máy cho gia đình.

Thay vào đó, phụ nữ người Thái đề cập đến mong muốn của họ đối với hệ thống tưới tiêu đồng ruộng vì nhu cầu nước gia đình của họ đã được đáp ứng. Phụ nữ người H’mông vẫn chủ yếu dựa vào nước mưa để tưới cây trên nương.

Cả hai nhóm người Thái và người H’Mông đều đề cập đến vai trò của người buôn bán tại chợ trong việc ảnh hưởng đến giá bán sản phẩm và họ thường cảm thấy bị thao túng bởi các điều kiện do thương lái đặt ra.

Đáp lại điều này, nam thanh niên người H’Mông cho rằng hỗ trợ chính thức sẽ có lợi trong việc duy trì các điều kiện buôn bán ổn định hơn, phụ nữ H’Mông không bình luận về giải pháp cho vấn đề này, mặc dù họ lo ngại.

Ý nghĩa đối với dự án

Yếu tố khác biệt quan trọng giữa các cộng đồng này và ảnh hưởng đến quá trình xác định giải pháp cho các rào cản mà họ phải đối mặt, là trình độ giáo dục mà các cộng đồng này nhận được.

Phụ nữ người Thái có trình độ học vấn cao hơn phụ nữ người H’Mông và do đó họ nói rằng họ ưa thích các can thiệp nông nghiệp phức tạp như ghép cải tạo, trong khi phụ nữ H’Mông thì không.

Phụ nữ người Thái bày tỏ sự quan tâm của họ đối với máy móc lớn như xe tải và máy kéo, trong khi phụ nữ H’Mông đề cập đến sở thích của họ đối với máy móc nhỏ hơn, dễ tiếp cận hơn như máy phun. Điều quan trọng cần lưu ý là trong khi các hoạt động dự án nâng cao kỹ năng kỹ thuật của phụ nữ, việc áp dụng rộng rãi các phương pháp đổi mới phụ thuộc vào mức độ tiếp cận và mức độ phù hợp của các phương pháp được đề xuất.

Phụ nữ quan tâm đến các tài liệu khuyến nông có thể truy cập được với thuật ngữ hạn chế, bằng tiếng địa phương dân tộc, thông tin ngắn hơn và súc tích hơn, tập huấn bằng video và trình diễn tại chỗ.

Trong tương lai, các hoạt động dự án giúp tăng cường kỹ năng giao tiếp và sự tự tin của phụ nữ có thể ảnh hưởng đến sự hợp tác trong các cộng đồng này.

Những kết quả nghiên cứu này có ý nghĩa gì đối với các can thiệp của dự án trong tương lai?

SỰ THAM GIA CỦA PHỤ NỮ TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN

- Trong cộng đồng người dân tộc Thái, **chồng và vợ hợp tác trong việc ra quyết định, mặc dù người chồng nói chung là người có tiếng nói cuối cùng.** Mặc dù điều này khác nhau giữa các hộ gia đình, nhưng phụ nữ ở xã Hát Lót, đặc biệt là thế hệ trẻ, được giáo dục nhiều hơn và ý kiến của họ ngày càng được tôn trọng và lắng nghe. Điều này trái ngược với nhóm người H'Mông là mặc dù nam giới và phụ nữ coi việc ra quyết định của họ là hợp tác ở một mức độ nào đó, nhưng **phụ nữ lại ít được giáo dục hơn một cách tương xứng và do đó quyền quyết định được giao cho người chồng**; việc này ảnh hưởng tới cán cân quyền lực, ngoài ra, tác động của tình trạng nghiện rượu và bạo lực gia đình lan tràn trong cộng đồng, còn ảnh hưởng đến sự tự tin và sự tham gia của phụ nữ trong quá trình ra quyết định.

- **Quyền ra quyết định là yếu tố quyết định chính trong khả năng tham gia và hưởng lợi từ các hoạt động dự án của phụ nữ** vì nó ảnh hưởng đến khả năng của phụ nữ trong việc thực hiện những điều họ đã học và phân bổ lại thời gian và sức lao động của họ.

- **Ở cả cộng đồng người Thái và người H'Mông, phụ nữ bị hạn chế nhiều bởi các hoạt động nội trợ, tuy nhiên, thời gian họ dành cho các hoạt động nông nghiệp cũng tương đương nam giới** trong cuộc sống hàng ngày. Nam giới người Thái có khả năng sẽ đỡ đần các công việc nội trợ trong gia đình, điều này cho thấy mức độ hỗ trợ đối với phụ nữ người Thái. Nam giới H'Mông ít đóng góp vào công việc nội trợ gia đình hơn.



Phụ nữ H'Mông hái quả cà phê chín
Ảnh: ©World Agroforestry

- Các hoạt động của dự án cần xem xét những hạn chế về thời gian của phụ nữ địa phương, không chỉ trong việc lên lịch tập huấn nông nghiệp, mà còn trong các phương pháp tiếp cận và tài liệu được sử dụng. **Cả nam giới và phụ nữ đều nhận thấy những khó khăn khi sử dụng các tài liệu khuyến nông không phải bằng tiếng bản địa của họ** (ngay cả những người có trình độ tiếng Việt cao cũng gặp khó khăn với thuật ngữ kỹ thuật).

- Phụ nữ người H'Mông không thông thạo tiếng Việt và gặp khó khăn hơn trong việc hiểu các tài liệu bằng tiếng Việt. **Điều này không chỉ kéo dài sự tiếp cận không bình đẳng đối với kiến thức và động lực quyền lực mà còn làm gia tăng tình trạng hạn hẹp về thời gian của phụ nữ** vì họ cần đầu tư nhiều thời gian và năng lượng hơn cho các tài liệu khuyến nông.

- Những người tham gia đã xác định được một số tài liệu dự án giúp tiết kiệm thời gian, có thể truy cập được, ví dụ như bảng áp phích, video trình chiếu và các hoạt động tập huấn tại hiện trường.

- Phụ nữ người Thái và người H'Mông có mức độ tiếp cận với giáo dục và các nguồn lực khác nhau và quyền lực cũng khác nhau ở cả cấp hộ gia đình và cộng đồng. Những khác biệt này **nêu bật tầm quan trọng của các can thiệp mang sắc thái địa phương và dựa vào cộng đồng.**

SỰ ẢNH HƯỞNG CỦA PHỤ NỮ ĐẾN THÀNH CÔNG CỦA DỰ ÁN

- Bất chấp những khó khăn gặp phải khi sử dụng các tài liệu khuyến nông, **gần 80% phụ nữ tham gia ở cả hai cộng đồng bày tỏ sự sẵn sàng chia sẻ thông tin dự án và kiến thức** thu được từ trưởng thôn, cán bộ khuyến nông và hàng xóm với gia đình và bạn bè.

- Phụ nữ sử dụng các kênh truyền thông không chính thức để có được kiến thức nông nghiệp nhiều hơn nam giới ở cả hai cộng đồng. Do đó, việc **chuyển thông tin liên quan đến phụ nữ có thể sẽ tiếp cận những người không nhất thiết phải có thời gian tham gia các khóa tập huấn**, và tạo điều kiện thành lập các nhóm cộng đồng, hoặc đăng thông tin theo cách dễ tiếp cận (bao gồm cả việc sử dụng phù hợp ngôn ngữ, độ dài và trình bày thông tin dưới dạng hình ảnh) ở những nơi phụ nữ tụ tập có thể giúp phổ biến thông tin một cách hiệu quả.

- Phụ nữ H'Mông xác định nam giới là người nắm giữ thông tin và được củng cố vị thế của họ thông qua việc tham gia các khóa tập huấn trong khi kiến thức của phụ nữ ngày càng ít được coi trọng. **Đảm bảo rằng phụ nữ đảm nhận các vai trò lãnh đạo trong cộng đồng của họ và tăng cường sự tham gia cố vấn của họ trong việc phổ biến kiến thức bằng cách để họ là người tập huấn sẽ nâng cao vị thế của họ trong cộng đồng.**

- Những nỗ lực tận tâm nhằm tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia các khóa tập huấn và truyền bá thông tin giữa các thành viên cộng đồng thông qua các kênh không chính thức **có thể hỗ trợ đáng kể cho sự thành công của các dự án tiếp cận cộng đồng.**

- Công nghệ như điện thoại di động, đài phát thanh và truyền hình ngày càng được các dịch vụ khuyến nông sử dụng để phổ biến thông tin, đặc biệt là để ứng phó với đại dịch COVID-19. **Khả năng tiếp cận thông tin của phụ nữ là rất quan trọng đối với sự thành công của các hoạt động dự án và các kênh thông tin phù hợp cần được ưu tiên nhằm tăng cường sự tham gia của họ.**



Thảo luận nhóm nữ về phân chia lao động
Ảnh: © Nguyễn Mai Phương

Tóm tắt các khuyến nghị chính

CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐƯỢC PHÂN CHIA THEO BỐN DANH MỤC SAU:

- **Chuẩn mực văn hóa**
- **Khả năng tiếp cận**
- **Thích ứng tổng thể**
- **Hạn hẹp về thời gian**



Nông dân H'Mông
Ảnh: ©World Agroforestry

Chuẩn mực văn hóa

Khuyến nghị

Tạo điều kiện để nam giới hiểu hơn về vai trò của phụ nữ và cùng tham gia trong áp dụng nông lâm kết hợp.

Tập trung vào các lĩnh vực mà phụ nữ tương đối có thể nắm quyền quyết định.

Nguyên nhân

- Tập huấn nông nghiệp đặc biệt hướng đến phụ nữ có nguy cơ tạo ra căng thẳng giữa nam và nữ.
- Nam giới là những người ra quyết định chính trong các cộng đồng phụ hệ và do đó có thể chặn quyền tiếp cận các hoạt động của phụ nữ nếu họ hiểu nhầm về vai trò quan trọng của phụ nữ ở đây.
- Các khóa tập huấn về quản lý vườn ươm nên được cung cấp thường xuyên hơn để khuyến khích sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động vườn ươm nhằm khắc phục tình trạng chỉ có số ít phụ nữ tham gia vào hoạt động của vườn ươm.
- Xây dựng niềm tin của phụ nữ vào kỹ năng ra quyết định của họ là rất quan trọng đối với việc trao quyền, đặc biệt là trong các lĩnh vực mà phụ nữ tham gia nhiều, chẳng hạn như trồng cây ăn quả và vườn rau tại nhà hoặc trong các lĩnh vực mà phụ nữ tương đối tự chủ.

Khả năng tiếp cận

Khuyến nghị

Thiết kế các thực hành đa dạng, nhạy cảm với kinh tế.

Đảm bảo rằng tất cả các thành viên trong cộng đồng đều có thể tiếp cận được các tài liệu của dự án.

Nguyên nhân

- Các nguồn tài chính như tài sản đảm bảo cho các khoản vay và hỗ trợ tài chính chủ yếu được phân bổ cho nam giới.
- Nên cung cấp nhiều lựa chọn khác nhau để đáp ứng các ràng buộc cá nhân nhạy cảm ở các lĩnh vực tự quản của phụ nữ hoặc các mặt thiếu điều đó.

  Tiếp cận tín dụng ưu đãi nên dành cho phụ nữ làm chủ hộ hoặc đang tìm kiếm sự đổi mới trong lĩnh vực của họ.
- Đảm bảo phụ nữ sử dụng các tài liệu khuyến nông và tham gia vào các khóa tập huấn phải nhạy cảm với mức độ thành thạo của họ với ngôn ngữ được sử dụng, các kỹ năng và nhu cầu của họ cũng như việc trình bày các tài liệu.
- Các tài liệu ngắn được đặt ở những nơi phụ nữ hay lui tới và được dịch sang tiếng dân tộc của họ sẽ hiệu quả hơn nhiều so với các tài liệu dài chứa những từ ngữ chuyên sâu, tốn nhiều thời gian để đọc.
- Ngôn ngữ được sử dụng cần cân nhắc các phương ngữ địa phương với các biệt ngữ và từ thông dụng.

Thích ứng toàn diện

Khuyến nghị

Thực hiện tập huấn nông nghiệp nhằm mang lại sự cải thiện vượt ra khỏi quy mô dự án cho đối tượng phụ nữ và giải quyết nhu cầu về hạn hẹp thời gian và trao quyền cho họ.

Xác định các chỉ số về thiếu hụt thời gian và những trở ngại đối với phụ nữ và đưa chúng vào khuôn khổ dự án.

Nguyên nhân

- Một cách tiếp cận toàn diện đối với sự can thiệp của cộng đồng, cung cấp tập huấn không chỉ về nông nghiệp mà còn về tiếp thu ngôn ngữ, tài chính và cơ giới hóa, đồng thời mang lại cho phụ nữ cơ hội phát triển ý thức trao quyền và sự tự tin, góp phần tạo ra một vòng phản hồi tích cực nhằm tăng cường ra quyết định và tham gia vào các hoạt động dự án.
- Các sáng kiến bổ sung có thể mang lại lợi ích cho cộng đồng và giảm tỷ lệ đói nghèo là các chương trình hỗ trợ vốn vay và đầu tư vào cơ sở hạ tầng địa phương.

- Mặc dù các hoạt động dự án có thể chịu ràng buộc khi tiếp cận các nguồn lực, các dịch vụ khuyến nông không cung cấp hỗ trợ thường xuyên trong quá trình chuyển đổi cộng đồng có khả năng bỏ lỡ các yếu tố quan trọng đối với sự tiếp cận của phụ nữ khi có phát sinh.

Khuyến nghị

Khuyến khích phụ nữ đi đầu trong phát triển cộng đồng.

Cung cấp tập huấn thích ứng nhạy cảm với khủng hoảng khí hậu và tiến trình phát triển của cộng đồng.

Nguyên nhân

- Tạo không gian nơi phụ nữ địa phương có thể xác định nhu cầu của họ và hợp tác với các gia đình khác, đồng thời khuyến khích phụ nữ đảm nhận vai trò lãnh đạo cộng đồng và có trách nhiệm đối với việc phổ biến thông tin trong lĩnh vực của họ và xung quanh lịch trình của họ, có thể giúp họ tự tin vào kiến thức của mình và truyền bá thông tin một cách hiệu quả giữa họ và với những người không có thời gian tham gia tập huấn thường xuyên.
- Tương tự, hỗ trợ khuyến nông có thể được cung cấp song song với công việc của các hiệp hội phụ nữ hiện có.
- Đảm bảo rằng cán bộ khuyến nông là đại diện cho những người mà họ đang cố gắng tiếp cận, nghĩa là cán bộ khuyến nông nữ nên có mặt nhiều trong các hoạt động dự án của phụ nữ.

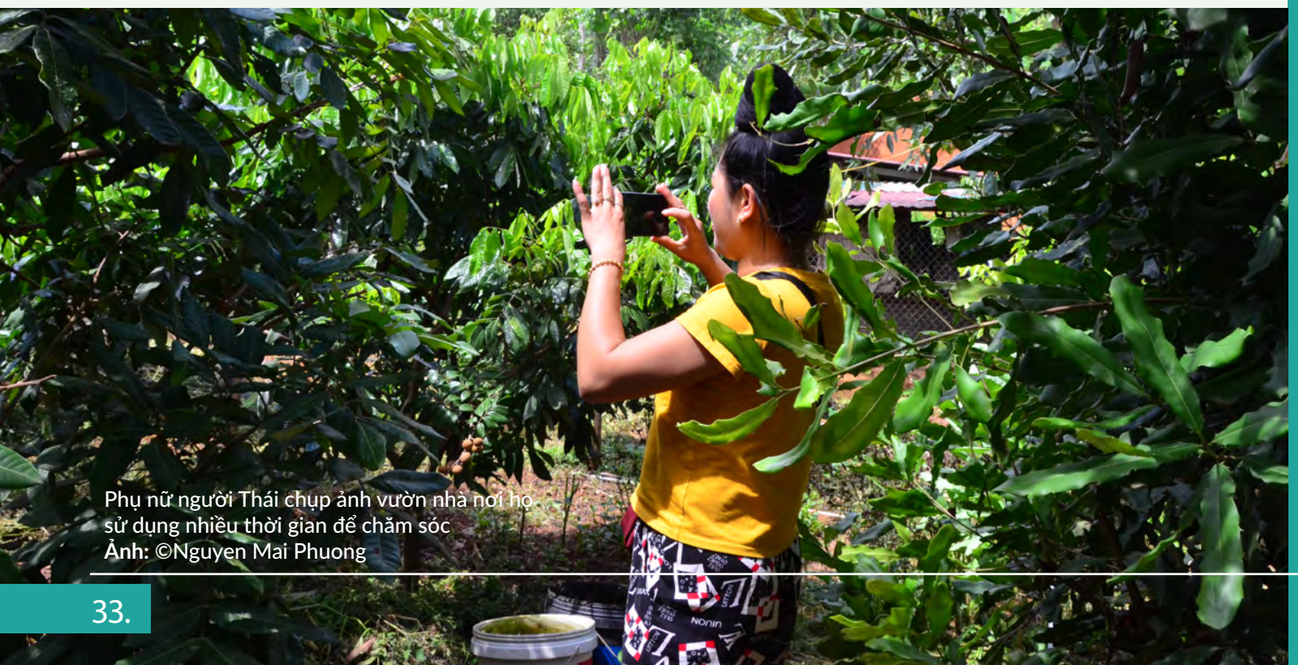
- Các dịch vụ khuyến nông cần bao gồm tập huấn thích ứng để đáp ứng với các điều kiện khí hậu thay đổi, tập trung vào lĩnh vực của phụ nữ và bối cảnh nông nghiệp đang thay đổi. Các biện pháp thích ứng cũng nên xem xét các dự án hỗ trợ chính sách để đảm bảo quyền của phụ nữ và trao quyền từ các cơ quan chính phủ.
- Thích ứng với các tình huống chưa từng xảy ra như đại dịch COVID-19 cần bao gồm các biện pháp như tập huấn từ xa và bao gồm các công nghệ dễ tiếp cận và nhạy cảm về giới cho mục đích tập huấn.
- Duy trì sự hỗ trợ thường xuyên và coi các điều kiện văn hóa xã hội đang thay đổi là rất quan trọng trong việc đảm bảo trao quyền liên tục cho cộng đồng và các kế hoạch khuyến nông nên bao gồm các dịch vụ hỗ trợ, các hoạt động lặp lại/các khóa học bồi dưỡng, hỗ trợ công nghệ và thông tin, và các quy trình đánh giá để xác định bối cảnh cộng đồng đang thay đổi.

Mô hình cảnh quan tại xã Tòa Tình (Phương - 2021)

Ảnh: © Nguyễn Mai Phương

Thiếu thời gian

Khuyến nghị	Cân nhắc vấn đề thiếu thời gian ở phụ nữ, đưa ra những can thiệp dự án nhạy cảm với vấn đề này, hỗ trợ bằng các dịch vụ như trông trẻ em hay sự chia sẻ từ phía nam giới trong gia đình.	Xác định và giải quyết các hạn chế về thời gian đối với cộng đồng.	Thực hiện các buổi tập huấn thường xuyên, tại chỗ với các cá nhân.
Nguyên nhân	Các hoạt động của dự án không chỉ nên phù hợp với lịch trình của phụ nữ bằng cách tổ chức các cuộc họp ngắn, thường xuyên, diễn ra vào các thời điểm khác nhau do các thành viên của cộng đồng chỉ định mà còn phải bao gồm các nguồn lực để hỗ trợ phụ nữ giải quyết trách nhiệm của họ như dịch vụ chăm sóc trẻ em hoặc nấu ăn khi các hoạt động trùng lặp với lịch trình chuẩn bị bữa ăn cho gia đình.	Cả phụ nữ người Thái và người H'Mông đều bị ảnh hưởng bởi điều kiện đường sá kém, tiêu tốn nhiều thời gian cho các hoạt động hàng ngày của họ. Các ràng buộc về thời gian có nhiều sắc thái và sẽ khác nhau giữa các cộng đồng nhưng tác động như nhau đến khả năng tiếp cận các nguồn lực của phụ nữ.	Việc tập huấn mà các cá nhân được đáp ứng trong các hoạt động hàng ngày của họ không yêu cầu cam kết về thời gian đáng kể từ những phụ nữ bị hạn chế về thời gian. Tập huấn về thực hành tiết kiệm thời gian có thể giảm thời gian dành cho việc trên nương vào một ngày cụ thể. Việc tập huấn nên diễn ra thường xuyên để đảm bảo rằng những người tham gia nắm bắt được thông tin liên quan.



Phụ nữ người Thái chụp ảnh vườn nhà nơi họ sử dụng nhiều thời gian để chăm sóc
Ảnh: ©Nguyen Mai Phuong

Tài liệu tham khảo

Brandth, B. 2002. Gender identity in European family farming: a literature review. Sociologia Ruralis. 42(3), pp. 181-200.

CARE International. 2017. Social Analysis & Action (SAA), Global Implementation Manual. USA: CARE.

CIFOR-ICRAF, n.d. 2020-2030 Strategy. Transforming Landscapes, Sustaining Livelihoods.

Catacutan, D. & Naz, R. 2015. Gender roles, decision-making and challenges to agroforestry adoption in Northwest Vietnam. International Forestry Review. 17(4), pp. 22-32.

Chikoko, M.G. 2002. A comparative analysis of household owned woodlots and fuelwood sufficiency between female and male headed households: a pilot study in rural Malawi, Africa. PhD dissertation. United States of America: Oregon State University.

Diawuo, F., Kosoe, E.A. & Doke, D.A. 2019. Participation of women farmers in agroforestry practices in the Jaman South Municipality, Ghana. Ghana Journal of Development Studies. 16(2), pp. 267-289.

FAO. 2019. Country Gender Assessment: Of Agriculture and the Rural Sector in Viet Nam. Hanoi: FAO.

Green Climate Fund. 2020. Gender Assessment: FP125: Strengthening the resilience of smallholder agriculture to climate change-induced water insecurity in the Central Highlands and South-Central Coast regions of Vietnam. 18th Feb 2020. Vietnam: UNDP.

Kawarazuka, N. & Prain, G. 2019. Gendered processes of agricultural innovation in the Northern uplands of Vietnam. International Journal of Gender and Entrepreneurship. 11(3), pp. 210-226.

Luke, N. & Munshi, K. 2011. Women as agents of change: Female income and mobility in India. Journal of Development Economics. 94(1): pp. 1-17.

Mbo'o-Tchouawou, M. & Colverson, K.E. 2014. Increasing access to agricultural extension and advisory services: How effective are new approaches in reaching women farmers in rural areas? ILRI Project Report. Nairobi, Kenya: ILRI.

Meinzen-Dick, R., Quisumbing, A., Behrman, J., Biermayr-Jenzano, P., Wilde, V., Noordeloos, M., Ragasa, C. & Beintema, N. 2010. Engendering agricultural research: IFRI Discussion Paper 00973. Washington, DC: IFPRI

Petesch, P., Badstue, L. & Prain, G. 2018. Gender norms, agency, and innovation in agriculture and natural resource management: The GENNOVATE methodology. Mexico, D. F.: CIMMYT.

Qian, N. 2008. Missing women and price of tea in China: the effect of sex-specific earnings on sex imbalance. Quarterly Journal of Economics. 123(3): 1251-85.

Raghunathan, K., Kannan, S. & Quisumbing, A.R. 2018. Can women's self-help groups improve access to information, decision-making, and agricultural practices? The Indian case. Agricultural Economics. 50(5), pp. 567-580.

Sraboni, E., Quisumbing, A.R. & Ahmed, A.U. 2014. How empowered are Bangladeshi women in agricultural Setting? Empirical evidence using a new index. Bangladesh Development Studies. 138(3): 1-25.

UN Women. 2017. Figures on Ethnic Minority Women and Men in Viet Nam 2015. Ha Noi, Viet Nam: United Nations Entity for Gender Equality and the Empowerment of Women (UN Women).

World Agroforestry (ICRAF). 2017. Gender-Responsive Participatory Tools: A Guide for Facilitators.



www.worldagroforestry.org